

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 14/02/2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh.

2. Bà Nguyễn Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/02/2025 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 325/2024/TLST- DS ngày 21/10/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2024/QĐXXST-DS ngày 20/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Điện thoại: 0774.646.548

Đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Thị X, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Điện thoại: 0932.893.997

- Bị đơn: Phan Văn Đ, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; 0919.022.189.

Chỗ ở: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

- Người làm chứng: Nguyễn Thanh X1, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Điện thoại: 0913.919.102.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M là bà Huỳnh Thị X trình bày:

Ngày 13/11/2023 chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M và anh Phan Văn Đ có ký “*Hợp đồng thi công xây dựng công trình*” bên chị M là chủ nhà (bên giao thầu), bên anh Phan Văn Đ là nhà thầu (bên nhận thầu). Theo thỏa thuận trong hợp đồng bên anh Đ nhận thi công, cung ứng vật tư để xây dựng nhà cấp 4, giá trị hợp đồng là 520.000.000 đồng, chị M sẽ tạm ứng 100.000.000 đồng cho anh Đ khi anh Đ nhận mặt bằng và tập kết vật tư, máy móc, thiết bị thi công, số tiền còn lại sẽ được thanh toán làm 04 lần, thời gian thi công là 45 ngày kể từ ngày khởi công.

Sau khi ký hợp đồng ngày 13/11/2023 chị M đã chuyển khoản tạm ứng cho anh Đ số tiền 100.000.000 đồng và giao mặt bằng ngày 18/11/2023 để anh Đ thi công nhưng anh Đ chỉ làm nghi thức động thổ rồi ra về không thực hiện đúng theo hợp đồng lý do anh Đ bị bệnh tai biến, như vậy anh Đ đã vi phạm hợp đồng ngày 13/11/2023, nhưng anh Đ không đồng ý trả lại cho chị M số tiền tạm ứng 100.000.000 đồng.

Nay chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng thi công xây dựng công trình ngày 13/11/2023 giữa chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M và anh Phan Văn Đ.

Chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M yêu cầu anh Phan Văn Đ trả lại cho chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M số tiền đã tạm ứng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), chị M không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Phan Văn Đ trình bày:

Anh Phan Văn Đ thừa nhận có ký “*Hợp đồng thi công xây dựng công trình*” ngày 13/11/2023 với chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bên anh Đ nhận thi công, cung ứng vật tư để xây dựng nhà cấp 4, giá trị hợp đồng là 520.000.000 đồng, chị M sẽ tạm ứng 100.000.000 đồng cho anh Đ khi anh Đ nhận mặt bằng và tập kết vật tư, máy móc, thiết bị thi công, số tiền còn lại sẽ được thanh toán làm 04 lần, thời gian thi công là 45 ngày kể từ ngày khởi công. Sau khi ký hợp đồng chị M có chuyển khoản cho anh Đ số tiền 100.000.000 đồng, anh có thực hiện mua sắt, xi măng, đổ cột để làm móng nhà nhưng anh Đ để ở nhà bà con của anh Đ ở C, số tiền mua vật liệu hết 100.000.000 đồng (việc mua vật liệu để thực hiện thi công thì anh Đ không còn biên lai). Sau khi nhận mặt bằng thực hiện ngày 18/11/2023 thì anh Đ bị bệnh tai biến nên không chuyển vật liệu lên vị trí để thi công cho chị M theo hợp đồng ngày 13/11/2023, lấy lý do anh Đ bị tai biến nên chị M không chịu tiếp tục thi công công trình.

Sau khi ngừng thi công chị M yêu cầu anh Đ trả lại số tiền 100.000.000 đồng nhưng anh Đ không đồng ý do chị M tự ý đòi ngưng thi công (việc chị M đòi ngưng thi công chỉ nói miệng không làm giấy tờ). Nếu chị M tiếp tục thi công mà anh Đ không thi công được thì sẽ có người khác thi công thay nhưng chị M không đồng ý.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 05/02/2025 anh Đ trình bày nếu là người khác thì anh Đ trả lại 100.000.000 đồng, nhưng do phần đất của chị M xấu, chị M không nói nên

anh Đ không đồng ý trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho chị M.

Nay anh Phan Văn Đ không đồng ý hủy Hợp đồng thi công xây dựng công trình ngày 13/11/2023 giữa chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M và anh Phan Văn Đ.

Anh Phan Văn Đ không đồng ý trả số tiền đã tạm ứng là 100.000.000 đồng cho chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M.

Tại phiên tòa người làm chứng cho anh Đ là anh Nguyễn Thanh X1 trình bày: Anh Nguyễn Thanh X1 được chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M nhờ xem hộ việc thi công công trình nhà chị M. Khi anh Đ mua vật liệu để thực hiện thi công thì có kêu anh X1 coi và nói miệng với anh X1 là để thi công nhà chị M, anh X1 không biết vật liệu mà anh Đ cho anh X1 xem là bao nhiêu tiền. Ngoài ra, anh không biết giữa các bên thỏa thuận như thế nào.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M.

+ Hủy hợp đồng thi công xây dựng công trình ngày 13/11/2023 giữa anh Phan Văn Đ và chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M.

+ Buộc anh Phan Văn Đ trả cho chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị M yêu cầu hủy Hợp đồng thi công xây dựng công trình ngày 13/11/2023 và yêu cầu anh Đ trả lại số tiền 100.000.000 đồng. Anh Đ có nơi cư trú tại: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Căn cứ Điều 116, 117, 119, 542 Bộ luật Dân sự; Các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn:

Chị M yêu cầu hủy Hợp đồng thi công xây dựng công trình ngày 13/11/2023 và yêu cầu anh Đ trả lại số tiền 100.000.000 đồng. Anh Đ không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Đ, chị M đều thừa nhận có ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình ngày 13/11/2023 và chị M đã chuyển khoản cho anh Đ được 100.000.000 đồng tiền tạm ứng cho anh Đ, đồng thời các bên đều thừa nhận ngày khởi công công trình là ngày 18/11/2023 nên đây là tính tiết các bên thừa nhận không cần phải chứng minh. Anh Đ cho rằng chị M là người ngưng hợp đồng không phải anh Đ nên anh không đồng ý hủy hợp đồng và trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho M. Theo thỏa thuận của Hợp đồng tại mục 5.2 “...*Bên nhận thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế đã thỏa thuận giữa 02 bên; Đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ xây dựng...*” ngoài ra chị M, anh Đ còn thỏa thuận tại mục 2.4 “*Thời gian thi công là 45 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình*” đồng thời các bên có thỏa thuận thì chị M có quyền chấm dứt hợp đồng khi anh Đ vi phạm tại Điều 6 của hợp đồng. Căn cứ vào các Điều 544, 545, 546, 551 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc chị M yêu cầu hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu anh Đ trả lại 100.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Anh Đ không đồng ý hủy bỏ hợp đồng thi công xây dựng công trình ngày 13/11/2023 và trả lại cho chị M 100.000.000 đồng tiền tạm ứng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Phan Văn Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị về giải quyết nội dung vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 542, 544, 545, 546, 551 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M về việc yêu cầu Hủy hợp đồng thi công xây dựng công trình ngày 13/11/2023 và yêu cầu anh Phan Văn Đ trả lại số tiền tạm ứng.

1.1. Hủy hợp đồng thi công xây dựng công trình ngày 13/11/2023 giữa anh Phan Văn Đ và chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M.

1.2. Buộc anh Phan Văn Đ trả cho chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Phan Văn Đ phải chịu 5.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng theo biên lai thu số 0013620 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân